

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm mạnh

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm trước đà giảm mạnh của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

HPG, DPR

## [Cập nhật công ty]

FPT

## [Quan điểm đầu tư]

Sau khi đã bán hạ tỷ trọng trong các phiên trước, NĐT được khuyến nghị có thể trải mua trở lại quanh vùng hỗ trợ sâu nhưng không chế tỷ trọng ở mức an toàn

06/12/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,048.69	-4.11
VN30	1,054.06	-5.12
HĐTL VN30F1M	1,046.00	-5.25
HNXIndex	212.80	-3.26
HNX30	361.23	-4.06
UPCoM	71.02	-3.03
USD/VND	24,033	+0.13
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.92	+1
Lãi suất qua đêm (%)	5.17	+12
Dầu (WTI, \$)	76.91	-0.03
Vàng (LME, \$)	1,773.10	+0.25



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,048.69 (-4.11%)  
**KLGD (triệu CP)** 1,481.9 (+46.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 979.2 (+12.0%)

TTCK giảm điểm mạnh trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng ở SSI (-6.0%), VHM (-5.7%), FUEVFVND (-3.6%).

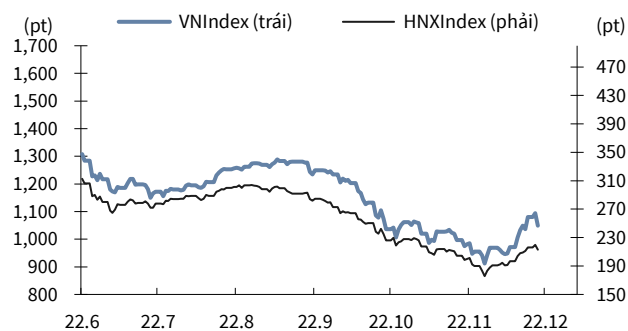
**HNXIndex** 212.80 (-3.26%)  
**KLGD (triệu CP)** 188.1 (+52.6%)  
**GTGD (triệu US\$)** 113.0 (+66.5%)

Giá dầu giảm vào ngày 05/12 sau khi thị trường chứng khoán Mỹ giảm điểm, với việc dữ liệu ngành dịch vụ của Mỹ làm tăng lo ngại rằng Fed có thể tiếp tục con đường thắt chặt chính sách quyết liệt của mình. Cổ phiếu Dầu khí giảm điểm ở BSR (-8/28%), PVC (-5.04%), PVD (-1.79%).

**UPCoM** 71.02 (-3.03%)  
**KLGD (triệu CP)** 69.0 (+62.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 28.5 (+57.7%)

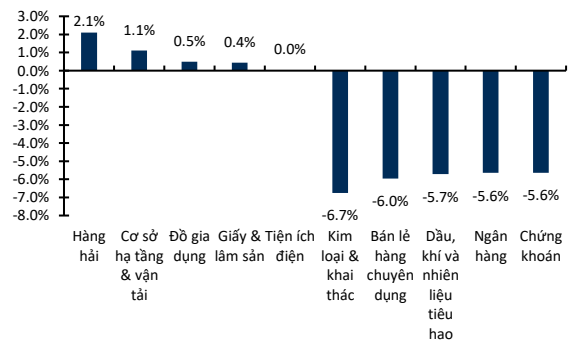
Tháng 11/2022, Tập đoàn Hòa Phát ghi nhận 384,000 tấn thép thô, giảm 43% so với cùng kỳ 2021. Bán hàng các sản phẩm thép đạt 443,000 tấn, giảm 30% so với tháng 11 năm trước và là mức thấp nhất kể từ tháng 2/2021, tác động tiêu cực đến HPG (-7.00%), kéo theo các cổ phiếu Thép giảm điểm ở HSG (-6.84%), NKG (-6.72%).

## VNIndex & HNXIndex



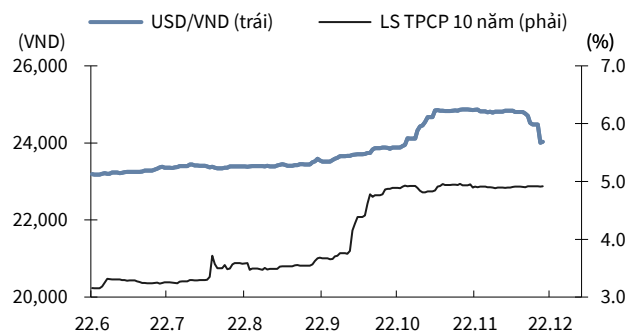
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



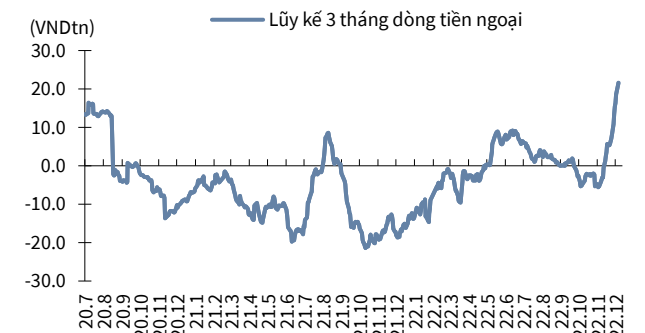
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

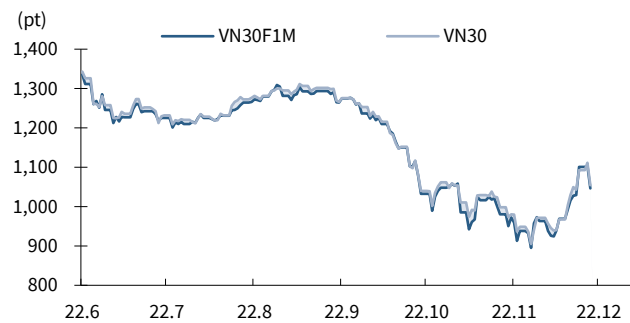
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,054.06 (-5.12%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,046.0 (-5.25%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,103.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,103.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,046.0</b>

Các HĐTL giảm điểm trước đà giảm mạnh của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2212 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức thấp nhất phiên tại -18.4 điểm sau đó thu hẹp trong phiên và đóng cửa ở mức -8.06 điểm. Khối lượng giao dịch duy trì tương đương phiên trước.

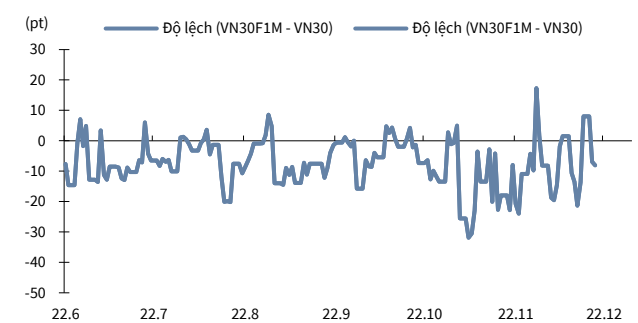
**KLGD (HĐ)**      **484,449 (+1.5%)**

### HĐTL VN30F1M & VN30



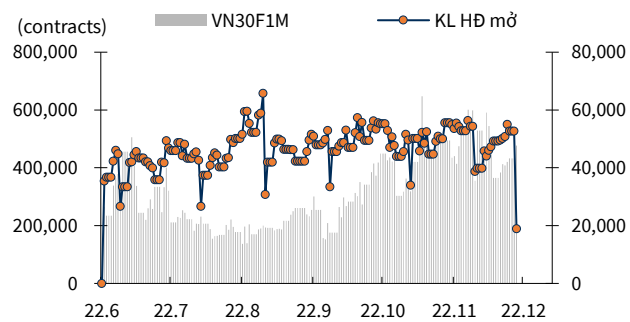
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



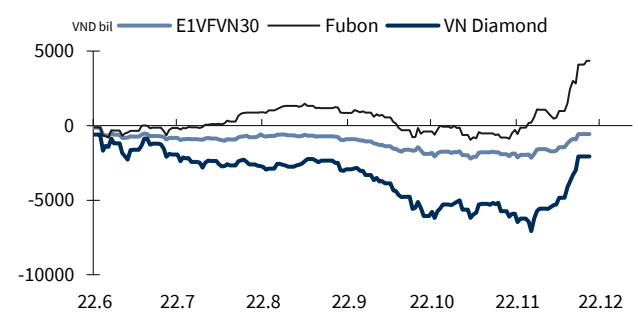
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

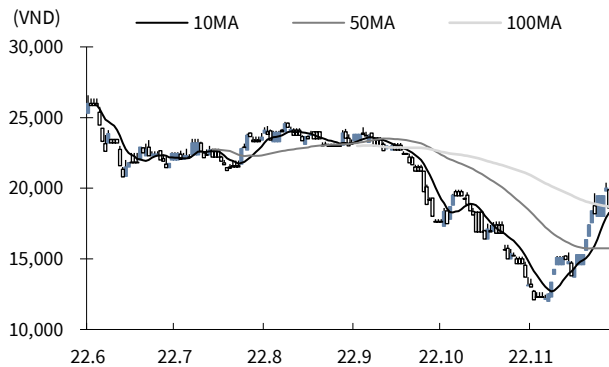
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

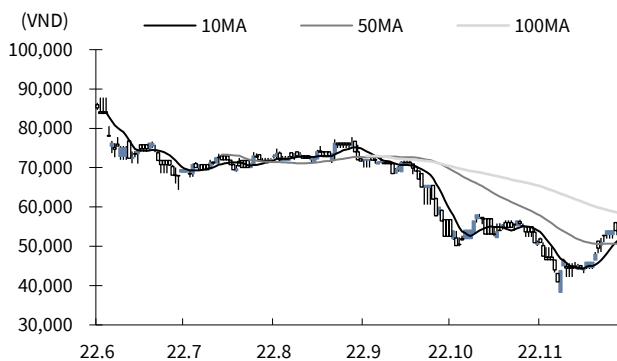
## CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm 7.0% xuống 18,600 VND/cp
- Tháng 11/2022, Tập đoàn Hòa Phát cho biết đã sản xuất 384,000 tấn thép thô, giảm 43% YoY. Bán hàng các sản phẩm thép đạt 443,000 tấn, giảm 30% YoY. Trong đó, thép xây dựng đóng góp 252,000 tấn, tăng 20% QoQ và giảm 7% YoY. Thép cuộn cán nóng (HRC) đạt 180,000 tấn, giảm 12% YoY.
- Hòa Phát cho biết nhu cầu thị trường trong và ngoài nước với các sản phẩm thép nhìn chung vẫn chưa được cải thiện khiến tổng lượng tiêu thụ giảm xuống mức thấp nhất từ đầu năm.

## CTCP Cao su Đồng Phú (PDR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DPR giảm 2.0% xuống 52,900 VND/cp
- CTCP Cao su Đồng Phú thông báo hủy phương án tạm ứng cổ tức năm 2022 theo nghị quyết HĐQT ngày 30/11 do Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) chưa chấp thuận phương án trên do chưa hoàn thành việc tăng vốn điều lệ nên Cao su Đồng Phú hủy phương án tạm ứng cổ tức năm 2022.

# CTCP FPT (FPT)

## Tăng trưởng chuyển đổi số chậm lại trong 3Q2022

Chuyên viên phân tích  
Nguyễn Anh Tùng  
tungna@kbsec.com.vn

06/12/2022

**3Q2022, LNST đạt 1,756 tỷ VND, tăng 27.7% YoY**

3Q2022, FPT tiếp tục có mức tăng trưởng ấn tượng với doanh thu đạt 11,149 tỷ VND, tăng 27.8% YoY. Trong đó khối Công nghệ tăng 24.9% YoY, khối Viễn Thông tăng 20.1% YoY và khối Giáo dục & Đầu tư tăng 119.1% YoY; khiến LNST 3Q2022 đạt 1,756 tỷ VND, tăng 27.7% YoY.

**Doanh thu kí mới 9M2022 tăng 42.6% YoY. Trở thành cổ đông chiến lược của LTS, Inc.**

Doanh thu ký mới 9M2022 của khối dịch vụ CNTT nước ngoài đạt 16,799 tỷ VND, tăng 42.6% YoY. Ngày 13/10/2022, FPT tại Nhật ký kết thỏa thuận đầu tư, trở thành cổ đông chiến lược của LTS, Inc., là công ty nằm trong top 20 công ty tư vấn, quản trị kinh doanh và chuyển đổi số tại Nhật với 20 năm kinh nghiệm.

**Doanh thu chuyển đổi số chậm lại trong 3Q2022**

Hoạt động kinh doanh mảng chuyển đổi số có dấu hiệu chậm lại với doanh thu chuyển đổi số 3Q2022 đạt 1,810 tỷ VND, giảm 1.1% YoY trong khi 1H2022 tăng 64.6% YoY. Có 2 nguyên nhân chính bao gồm: (1) blockchain và thị trường các app, đặc biệt liên quan đến mảng game bị suy giảm; (2) mức nền 3Q2021 cao. FPT kì vọng doanh thu chuyển đổi số cả năm sẽ tăng trưởng khoảng 35%-40% YoY tương đương mức tăng trưởng 4Q2022 khoảng trên 37% YoY.

**Khuyến nghị MUA – giá cổ phiếu 101,900 đồng/cổ phiếu**

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu FPT. Giá mục tiêu là 101,900 VND/cp, cao hơn 30.1% so với giá tại ngày 05/12/2022.

## Mua

**Giá mục tiêu VND 101,900**

Tăng/Giảm	30.1%
Giá hiện tại (06/12/2022)	VND 78,300
Giá mục tiêu thị trường	VND 109,683
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	85,897

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	87.1%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	126.5/5.2
Sở hữu nước ngoài (%)	49%
Cơ cấu cổ đông	Trương gia Bình (7.05%)

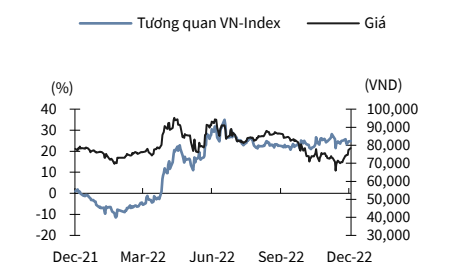
### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	7	-6	-12	-1
Tương đối	-5	6	-3	25

### Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020	2021	2022F	2023F
Doanh thu thuần (Tỷ VND)	29,830	35,657	43,252	51,531
Tốc độ tăng trưởng(%)	7.6%	19.5%	21.3%	19.1%
Lợi nhuận gộp(tỷ VND)	11,814	13,632	16,868	20,097
Biên lợi nhuận gộp (%)	39.6%	38.2%	39.0%	39.0%
Lợi nhuận ròng (tỷ VND)	3,538	4,337	5,524	6,555
Tốc độ tăng trưởng(%)	12.8%	22.6%	27.4%	18.7%
EPS (VND)	4,513	4,779	5,035	5,975
Tăng trưởng EPS	-2.4%	5.9%	5.4%	18.7%
P/E	17.4	16.4	15.6	13.1

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNINDEX giảm điểm giảm co trong phiên trước khi lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Việc hình thành mẫu nến Marubozu tiêu cực cùng với thanh khoản tăng mạnh về cuối phiên khiến cho trạng thái của thị trường dần trở nên tiêu cực hơn. VNINDEX nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong phiên tiếp theo và mở rộng nhịp điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ gần quanh 102x và sâu hơn là 1000 nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy.
- Sau khi đã bán hạ tỷ trọng trong các phiên trước, NĐT được khuyến nghị có thể trải mua trở lại quanh vùng hỗ trợ sâu nhưng không chế tỷ trọng ở mức an toàn.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1085 - 1090

Kháng cự gần: 1064 - 1070

Hỗ trợ gần: 1026 - 1031

Hỗ trợ xa: 1005 - 1010

— F1 giảm điểm giằng co trong phiên trước khi lao dốc mạnh về cuối phiên.

— Việc hình thành mẫu nến Marubozu tiêu cực cùng với thanh khoản tăng mạnh về cuối phiên khiến cho trạng thái của thị trường dần trở nên tiêu cực hơn. F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong phiên tiếp theo và mở rộng nhịp điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ gần quanh 102x và sâu hơn là 1000 nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế SHORT đã mở.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

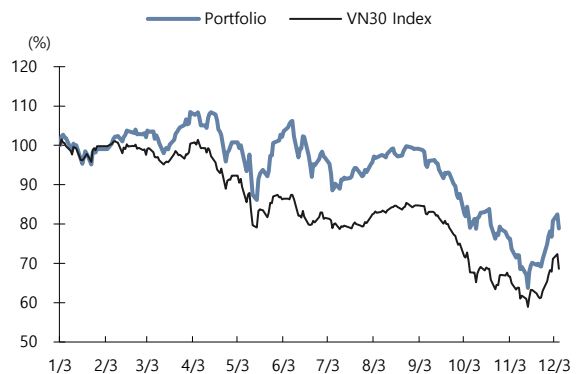
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-5.12%	-4.34%
Tăng lũy kế (YTD)	-31.36%	-21.12%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 06/12/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	44,350	-6.8%	14.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	14,400	-8.9%	-49.5%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	111,100	-3.3%	44.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	121,500	-4.1%	-36.7%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đồng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	78,000	-1.8%	163.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	76,000	-2.9%	213.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	27,000	-5.6%	42.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	109,500	-3.3%	49.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	18,600	-7.0%	67.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	22,100	0.2%	115.1%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SSI	-6.0%	39.2%	151.7
VHM	-5.7%	23.9%	134.1
FUEVFNVD	-3.6%	98.0%	98.0
NLG	-2.2%	44.6%	55.1
VIC	-2.2%	12.6%	50.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DCM	4.3%	12.1%	-30.7
VRE	-7.0%	33.2%	-58.3
VSC	3.5%	4.3%	9.5
DPM	3.1%	18.9%	-8.2
CII	-6.9%	8.6%	-8.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.0%	17.5%	31.7
IDC	-8.2%	0.6%	6.3
CEO	-9.9%	0.7%	3.4
TNG	-3.3%	6.9%	0.9
HUT	0.0%	0.8%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PLC	-4.9%	1.3%	-2.2
SHS	-9.1%	5.8%	-0.2
TVD	-4.7%	3.2%	-0.2
PVI	-1.8%	59.1%	-0.0
IVS	-6.8%	72.1%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ gia dụng	8.8%	TTF, GDT, EVE, SAV
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	7.5%	TNH, JVC, VMD
Kim loại & khai thác	7.3%	HPG, HSG, NKG, KSB
Tập đoàn công nghiệp	7.2%	REE, BCG, PET, EVG
Thiết bị điện	5.6%	GEX, SAM, CAV, RAL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	-15.8%	TCH, HHS, SRF, SHA
Tiện ích khí	-2.2%	GAS, PGD, PMG
Phụ tùng oto	-2.0%	DRC, CSM, PAC, TNC
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-1.2%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Sản xuất điện	-0.5%	POW, VSH, GEG, TMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	25.1%	HPG, HSG, NKG, KSB
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	18.1%	TNH, JVC, VMD
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	15.7%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Chứng khoán	13.7%	SSI, VND, HCM, VCI
Quản lý & phát triển bất động sản	12.5%	VHM, VIC, NVL, BCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	-22.7%	DHC, HAP, HHP, VID
Thương mại & phân phối	-18.6%	VPG, TSC, BTT, TNA
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-8.3%	TLG, ILB, APC, ST8
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-3.8%	MWG, FRT, CTF, HAX
Bảo hiểm	-2.8%	BVH, MIG, BIC, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	137,133 (5.6)	22.5	33.8	35.4	14.7	5.8	6.6	2.4	2.2	-2.2	-4.0	22.7	-30.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	203,137 (8.2)	26.6	7.4	6.4	35.9	22.4	21.4	1.6	1.3	-5.7	3.6	23.6	-32.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	60,903 (2.5)	17.8	26.7	18.4	-7.6	7.8	10.6	2.1	1.9	-7.0	-3.8	12.9	-2.5
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	583,395 (23.7)	31.3	6.9	5.1	6.7	10.8	13.1	0.7	0.5	-7.0	-5.7	-65.6	-77.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	87,217 (3.5)	11.6	17.9	15.8	13.7	11.1	11.4	1.8	1.6	-5.0	15.2	37.8	-36.3
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	187,797 (7.6)	13.9	10.2	10.9	-	7.6	6.4	0.7	0.6	-7.0	17.1	11.1	-59.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	108,803 (4.4)	6.3	13.4	11.7	11.7	21.1	19.0	2.8	2.3	-5.9	0.3	11.4	1.5
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	79,040 (3.2)	12.7	12.3	9.5	-5.3	17.9	18.4	2.0	1.6	-5.2	-4.6	17.4	5.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	191,541 (7.8)	0.0	4.5	4.4	14.3	20.8	17.5	0.8	0.7	-6.7	7.3	6.1	-45.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	227,065 (9.2)	1.4	7.8	6.7	50.3	15.9	17.9	1.3	1.1	-5.6	-1.5	10.2	-20.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	329,374 (13.4)	0.0	6.0	7.0	18.8	20.4	16.0	1.1	1.0	-6.9	4.6	-0.3	-29.2
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	246,136 (10.0)	0.0	4.5	3.9	14.6	24.7	23.1	1.0	0.8	-6.8	2.9	-1.1	-26.5
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	46,551 (1.9)	4.2	5.2	4.8	23.3	23.4	20.7	1.1	0.9	-3.2	6.1	6.5	-33.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	544,323 (22.1)	14.0	-	-	26.5	13.9	15.8	1.0	0.9	-7.0	5.1	25.0	-34.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	138,331 (5.6)	0.0	5.8	5.0	37.4	20.9	19.5	1.1	0.9	-6.7	0.5	1.4	-47.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	132,701 (5.4)	0.2	-	-	27.3	17.7	14.6	-	-	-6.6	-1.4	-37.2	-39.2
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	41,632 (1.7)	21.0	-	-	15.8	-	-	-	-	-5.0	1.7	-4.0	-14.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,201 (0.3)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-7.0	-0.2	-2.7	-51.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	420,145 (17.1)	55.4	-	-	-3.2	-	-	-	-	-6.0	3.2	27.4	-59.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	194,934 (7.9)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-6.9	8.0	0.0	-55.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	167,972 (6.8)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-6.8	1.6	5.3	-52.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	340,626 (13.9)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-3.7	11.7	27.7	-57.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	182,521 (7.4)	42.1	20.6	18.2	4.0	26.5	29.7	5.1	5.0	-2.9	-0.6	3.1	-4.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	38,057 (1.5)	36.9	22.0	19.9	7.3	23.5	22.8	4.7	4.2	-0.7	1.4	-1.9	18.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	117,215 (4.7)	16.5	34.0	24.1	-51.9	11.7	15.8	3.8	3.2	-2.9	3.0	21.0	-28.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	27,858 (1.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	6.8	8.9	19.2	-59.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	38,289 (1.6)	11.0	-	-	-88.5	-	-	-	-	-0.8	3.1	5.9	-17.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	32,548 (1.3)	10.8	16.0	16.4	-57.0	13.7	13.2	2.1	2.0	1.0	3.2	-0.4	2.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	77,093 (3.1)	38.4	4.3	21.1	65.7	16.0	3.0	0.6	0.6	-6.9	0.0	-6.3	-69.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	213,783 (8.7)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-4.3	5.4	28.1	-61.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	17,359 (0.7)	3.6	-	15.0	-52.4	-0.2	2.0	-	-	-6.9	2.1	-14.7	-69.3
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	31,834 (1.3)	0.0	10.7	10.9	-4.5	17.0	15.4	1.8	1.6	-1.8	7.0	11.3	29.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	42,191 (1.7)	46.1	14.6	15.1	-17.5	25.1	21.8	3.5	3.2	-3.3	-2.2	-1.4	13.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,835 (0.9)	31.4	9.1	8.0	-10.5	19.8	19.9	-	-	-0.6	3.7	10.2	0.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,279 (0.1)	34.1	14.8	7.5	-5.1	6.2	11.7	-	-	-1.1	0.8	-3.9	-44.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	748,964 (30.4)	18.0	11.3	9.3	21.9	10.5	11.8	1.1	1.0	-7.0	6.9	27.0	-47.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	93,876 (3.8)	36.5	3.5	5.6	-0.5	36.0	21.2	1.2	1.1	3.0	4.4	3.4	-15.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	116,396 (4.7)	46.5	4.1	6.8	-4.5	45.7	22.8	1.7	1.5	4.3	4.3	2.9	-18.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	143,815 (5.8)	38.9	9.3	6.0	67.9	7.0	10.0	0.6	0.5	-6.8	12.4	10.4	-60.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	25,749 (1.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-4.9	2.7	3.5	-62.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	32,603 (1.3)	4.6	65.1	12.5	-51.0	2.5	12.5	1.6	1.5	-5.8	2.0	4.9	-44.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	116,805 (4.7)	39.9	-	21.1	-11.9	-1.2	1.9	0.7	0.7	-1.8	7.8	-2.7	-26.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	36,063 (1.5)	35.9	7.9	7.5	2.2	14.7	14.5	1.1	1.0	-4.0	-3.8	12.4	-20.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	175,897 (7.1)	0.0	13.5	11.2	14.4	21.6	23.0	2.8	2.4	-6.8	3.6	-3.7	-34.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	28,113 (1.1)	0.0	15.5	13.4	2.4	24.8	22.1	3.1	2.6	-3.3	-1.5	17.1	15.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,238 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.8	28.3	8.8	-53.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	92,427 (3.7)	30.3	17.2	14.7	-75.2	26.2	24.8	4.0	3.3	-2.1	3.6	-5.4	3.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	33,029 (1.3)	34.6	6.9	8.0	41.2	28.7	22.5	1.8	1.7	-5.4	3.1	13.5	-38.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,141 (0.0)	45.4	12.0	11.3	10.7	22.0	21.1	2.6	2.4	-0.9	3.5	0.4	-24.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	103,006 (4.2)	0.0	15.3	13.2	15.5	27.3	27.8	3.8	3.2	-2.9	2.3	4.3	-1.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp  
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích  
huynd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann@kbsec.com.vn

### Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích  
quangtpt@kbsec.com.vn

### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

### Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích  
quyenlh@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.